

Số: /SGDDT-KHTC

Lạng Sơn, ngày tháng 10 năm 2022

V/v hướng dẫn thực hiện và chuẩn bị hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với tiêu chí trường học, giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025

Kính gửi:

- Văn phòng điều phối chương trình xây dựng NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các quy định của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện các tiêu chí và chuẩn bị hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số

5 (Trường học) và Tiêu chí số 14 (Giáo dục); chuẩn nông thôn mới nâng cao đối với tiêu chí số 5 (Trường học), chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đối với tiêu chí Giáo dục và Đào tạo như sau:

## **I. Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới**

### **1. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí**

#### **1.1. Tiêu chí số 5 (Trường học)**

##### *a) Yêu cầu của tiêu chí*

- Tỷ lệ trường học các cấp Mầm non, Tiểu học, THCS (hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS):

+ Đối với các xã có hơn 3 trường: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVN tối thiểu, trong đó  $\geq 70\%$  đạt tiêu chuẩn CSVN mức độ 1.

+ Đối với các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn CSVN tối thiểu, trong đó  $\geq 50\%$  đạt tiêu chuẩn CSVN mức độ 1.

##### *b) Hướng dẫn thực hiện tiêu chí:*

- Trường mầm non có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

+ Điều 6 hoặc Điều 7, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Trường Tiểu học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

+ Điều 10 hoặc Điều 11, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Điều 14 hoặc Điều 15, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường phổ thông có nhiều cấp học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Điều 22 hoặc Điều 23, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

## **1.2. Tiêu chí số 14 (Giáo dục và Đào tạo)**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.

14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề (tại các trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề)  $\geq 70\%$ .

### **b) Hướng dẫn thực hiện tiêu chí**

#### **b.1. Tiêu chí 14.1. Phổ cập giáo dục**

- Đối với cấp mầm non: Đạt duy trì và nâng cao chất lượng chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến cơ sở GDMN  $\geq 98,5\%$ ; riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt  $99,5\%$  trở lên; Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt từ  $99\%$  trở lên

- Đối với cấp tiểu học:  $100\%$  duy trì và nâng cao chất lượng PCGDTH mức độ 3. Tỷ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày  $\geq 96\%$ .

- Đối với cấp THCS: Phổ cập GD THCS đạt mức độ 2 trở lên.

- Xóa mù chữ: Tỷ lệ người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trong độ tuổi 15-60 đạt  $\geq 90\%$ . Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại khá.

*b.2. Tiêu chí 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề).*

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS của năm đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề) đạt  $\geq 70\%$ .

## **2. Chuẩn bị hồ sơ đề nghị thẩm định**

Hồ sơ đề nghị thẩm định, gồm

2.1. Báo cáo của UBND xã về kết quả xây dựng nông thôn mới đối với 02 tiêu chí đề nghị thẩm định (Trường học; Giáo dục và Đào tạo). Báo cáo nêu rõ các chỉ số của từng tiêu chí, tiêu chuẩn (cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, phổ cập và xóa mù chữ) đánh giá kết quả đạt được kèm theo số liệu minh chứng.

2.2. Các thông tin, minh chứng:

*2.2.1. Đối với tiêu chí số 5 (Trường học)*

Mỗi trường học trên địa bàn xã chuẩn bị riêng 01 bộ minh chứng gồm:

1) Hồ sơ quản lý đất đai: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ trích đo thửa đất...);

2) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với trường được xây mới, cải tạo sửa chữa – bản sao).

3) Sơ đồ bố trí các lớp học, các khu hành chính quản trị (bản sao khổ giấy A3 hoặc A4);

4) Sổ tài sản nhà trường thể hiện tài sản, thiết bị dạy học (bản sao có xác nhận của trường);

5) Quyết định công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia hoặc bản sao Bằng công nhận Trường chuẩn quốc gia (bản sao có chứng thực);

Kèm theo minh chứng về việc bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất đối với trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia nhưng đã quá thời hạn đề nghị công nhận lại do thiếu hoặc xuống cấp về cơ sở vật chất.

6) Biên bản tự kiểm tra cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia của Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo huyện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo (Đối với trường chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia);

7) Quyết định công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn;

8) Biểu thông tin cơ bản về CSVC của nhà trường (Phụ lục 01);

*2.2.2 Đối với Tiêu chí số 14 (Giáo dục và Đào tạo)*

1) Quyết định công nhận xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của năm liền kề thời điểm kiểm tra;

2) Biên bản kiểm tra xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; công tác xoá mù chữ của Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo cấp huyện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo của năm đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;

3) Quyết định xếp loại trung tâm học tập cộng đồng do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố phê duyệt, đánh giá;

4) Danh sách học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề tại thời điểm đề nghị thẩm định. (Phụ lục 02).

## **II. Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

### **1. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí Giáo dục**

#### ***1.1. Yêu cầu của tiêu chí:***

- Tiêu chí 5.1: 100% Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Tiêu chí 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Tiêu chí 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3.

- Tiêu chí 5.4: Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

- Tiêu chí 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại khá.

- Tiêu chí 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

#### ***1.2. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí***

*a) Đối với tiêu chí 5.1: 100% Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

- Trường mầm non có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

+ Điều 7 hoặc Điều 8, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Trường Tiểu học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

+ Điều 11 hoặc Điều 12, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường Trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Điều 15 hoặc Điều 16, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trường phổ thông có nhiều cấp học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia khi đảm bảo Tiêu chuẩn về Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quy định tại các thông tư sau:

+ Điều 14 hoặc Điều 19, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Điều 23 hoặc Điều 24, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

+ Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

*b) Đối với tiêu chí 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi*

Tương tự đối với xã nông thôn mới.

*c) Đối với tiêu chí 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3*

Khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 16 nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

*d) Đối với tiêu chí 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2*

Điều 21 Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

*f) Đối với tiêu chí 5.5 Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại khá*

Thông tư 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

*g) Đối với tiêu chí 5.6 Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền:*

Mỗi nhà trường chủ động lựa chọn ít nhất 01 môn thể thao thể mạnh, học sinh yêu thích phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa của địa phương để phát triển thành phong trào, tổ chức thường xuyên. Thành lập ít nhất 01 câu lạc bộ thể dục thể thao trong nhà trường để thu hút học sinh tham gia.

## **2. Hồ sơ đề nghị thẩm định**

Hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, gồm:

2.1. Báo cáo của UBND xã về kết quả xây dựng nông thôn mới đối với tiêu chí số 5 Giáo dục và Đào tạo. Báo cáo nêu rõ các chỉ số của tiêu chí, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Đánh giá kết quả đạt được kèm theo số liệu minh chứng.

2.2. Các thông tin, minh chứng:

*2.2.1. Đối với tiêu chí 5.1*

Tương tự như đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.

*2.2.2. Đối với các tiêu chí còn lại*

1) Quyết định công nhận xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của năm liền kề thời điểm đánh giá;

2) Biên bản kiểm tra đánh giá xã đạt chuẩn xóa mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở của Ban chỉ đạo Đổi mới giáo dục và đào tạo huyện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo của năm đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3) Quyết định xếp loại cộng đồng học tập cấp xã.

## **III. Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

### **1. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí Giáo dục và Đào tạo**

#### **1.1. Yêu cầu của tiêu chí:**

Xã đạt chuẩn tiêu chí 5.1 của bộ tiêu chí quy định xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến nhà trẻ, trường mẫu giáo đạt 40% trở lên.
- Tỷ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày đạt 100%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề (tại các trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề)  $\geq 90\%$ .

## **1.2. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí**

### **a) Về cơ sở vật chất:**

Tương tự như đối với các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **b) Đối với các tiêu chí còn lại:**

Tương tự với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

## **2. Hồ sơ đề nghị thẩm định**

Hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, gồm:

2.1. Báo cáo của UBND xã về kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Báo cáo nêu rõ các chỉ số của tiêu chí, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Đánh giá kết quả đạt được kèm theo số liệu minh chứng.

### 2.2. Các thông tin, minh chứng:

Tương tự như đối với các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Danh sách học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT, bổ túc THPT, học trung cấp tại thời điểm đề nghị thẩm định. (Phụ lục 02).

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế công văn số 588/SGDDĐT-KHTC ngày 08/3/2021 về việc hướng dẫn và chuẩn bị hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đối với tiêu chí trường học và giáo dục

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan tham mưu xây dựng chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện, đồng thời hướng dẫn UBND các xã chuẩn bị hồ sơ đề nghị thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với tiêu chí về trường học và tiêu chí giáo dục./.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng cơ quan Sở;
- Lưu VT, KHTC<sub>(HNH)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hồ Công Liêm**